TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HS-ST
Ngày: 14/3/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S - TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Sao – Nguyên giáo viên.
Ông A Thi – Phó chủ tịch LĐLĐ huyện S.

Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Khánh Lựu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Kon Tum tham gia phiên toà: ông Phan Hà Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Kon Tum, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2024/TLST-HS, ngày 31 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST- HS ngày 21 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 22/2024/QĐHPT, ngày 06/3/2024 `đối với các bị cáo:

- Bị cáo **Trần Kim T** *(Tên gọi khác: H)*, sinh ngày 26-12-1987, tại tỉnh Kon Tum; Quê quán: Phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn P, xã V, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Có cha là ông Trần Ngọc M và mẹ là bà Trần Thị P. Bị cáo là con thứ 5 trong gia đình có 9 anh, chị, em. Có vợ là Phan Thanh N, sinh năm 1990. Bị cáo có 01 người con, sinh năm 2015.

Tiền sự: Không

Tiền án: 01 (Một) - Ngày 28/10/2021, bị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum tuyên phạt 06 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* (tại bản án số 21/2021/HS-PT).

Nhân thân: Tại bản án số 14/2011/HS-PT, ngày 14/4/2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum tuyên phạt 12 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*và 36 tháng tù về tội *"Cướp giật tài sản"*.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

- Bị cáo **Trần Ngọc T1** *(Tên gọi khác: Không)*, sinh ngày 26-05-1982 tại Kon Tum. Quê quán: xã A, huyện A, tỉnh Bình Định. Nơi cư trú: Thôn K, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Có cha là ông Trần Thanh D và mẹ là bà Nguyễn Thị Đ. Bị cáo là con thứ 4 trong gia đình có 8 anh, em. Có vợ là Mai Thị L, sinh năm 1984. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Tại bản số 179/2014/HS-PT, ngày 14/4/2014, xử phạt bị cáo 05 năm tù về tội *"Tàng trữ trái phép, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma tuý"*.

- Ngày 20/12/2017, Công an huyện Đ, tỉnh Kon Tum xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *"Đánh bạc"*.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

- Bị hại:

1. Anh A T2, sinh năm 1990. Địa chỉ: Làng C, thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum.*(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)*

2. Chị Y K, sinh năm 2001. Địa chỉ: Làng L, xã Y, huyện S, tỉnh Kon Tum.*(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)*

3. Anh A G, sinh năm 1995. Địa chỉ: Làng O, xã Y, huyện S, tỉnh Kon Tum.*(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)*

4. Anh A K1, sinh năm 1994. Địa chỉ: Làng Đ, xã Y, huyện S, tỉnh Kon Tum.*(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)*

5. Chị Y N1, sinh năm 1997. Địa chỉ: Làng T, xã Y, huyện S, tỉnh Kon Tum.*(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)*

6. Anh A P1, sinh năm 1994. Địa chỉ: Làng T, xã Y, huyện S, tỉnh Kon Tum.*(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Hồng P2, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ E, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum.*(Vắng mặt)*

2. Anh Hồ Công P3, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ G, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum.*(Vắng mặt)*

- Người làm chứng:

1. Anh A N2, sinh năm 1989. Địa chỉ: Làng R, xã Y, huyện S, tỉnh Kon Tum.*(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)*

2. Anh A T3, sinh năm 2004. Địa chỉ: Làng R, xã Y, huyện S, tỉnh Kon Tum.*(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)*

3. Anh A T4, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2006. *(Có mặt)*

Người đại diện theo pháp luật: Anh A T5, sinh năm 1980.*(Có mặt)*

Cùng địa chỉ: Làng R, xã Y, huyện S, tỉnh Kon Tum.

4. Anh A H1, sinh năm 1989. Địa chỉ: Làng R, xã Y, huyện S, tỉnh Kon Tum.*(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 19/11/2023, Trần Kim T (Tên thường gọi là H; sinh ngày 26/12/1987; Nơi cư trú: Thôn P, xã V, thành phố K, tỉnh Kon Tum) trong khi nhậu cùng Trần Ngọc T1 (sinh ngày 26/5/1982; Nơi cư trú: Thôn K, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum) tại nhà của T1 (hẻm G, đường B, thành phố K) thì

T1 rủ T đi trộm cắp C để bán lấy tiền tiêu xài và T đồng ý. Khoảng 01 giờ ngày 20/11/2023, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 82B1-502.19 đến nhà T1 và chở T1 đi bắt trộm C. Trước khi đi, T1 đã chuẩn bị 02 bao tải, 01 bộ dụng cụ chích điện tự chế và 01 cuộn băng keo đen để phục vụ việc bắt trộm C. Thuân chở T1 đi dọc một số tuyến đường của thành phố K nhưng không thấy C nên T1 đã rũ T lên huyện S bắt trộm C. Hình thức bắt trộm C như sau: khi thấy C chạy hoặc nằm trên đường thì T điều khiển xe mô tô áp sát để T1 ngồi sau dùng kích điện tự chế giật chó bất tỉnh, sau đó T1 dùng băng keo đen quấn quanh chân và miệng C rồi cho vào bao tải. Với hình thức trên, khi đến làng C, thị trấn S, T1 và T phát hiện và đã bắt trộm 01 (một) con chó lông màu đen – nâu, trọng lượng 13,2 kg (mười ba phẩy hai kilogam) của anh A T2 (SN: 1990; trú tại Làng C, thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum). Đi được một đoạn thì phát hiện và bắt 01 (một) con chó lông màu nâu, trọng lượng 7,2 của chị Y K2 (SN: 2001; trú tại Làng L, xã Y, huyện S, C của chị chạy từ làng L sang làng C). T và T1 mang 02 con Chó vừa trộm cắp được đến khu vực sân bóng thuộc làng R, xã Y để cất giấu. Sau đó, T và T1 tiếp tục vào các làng thuộc xã Y và xã Y tìm kiếm C để bắt trộm tiếp. T1 và T phát hiện và bắt 01 (một) con chó lông màu nâu - xám - đen, trọng lượng 9,6 kg (chín phẩy sáu kilogam) của anh A G (SN: 1994; trú tại Làng O, xã Y), 01 (một) con chó lông màu nâu – xám –đen, trọng lượng 9,6 kg (chín phẩy sáu kilogam), 01 (một) con chó lông màu đen nâu, trọng lượng 12,2 kg (mười hai phẩy hai kilogam) và 01 (một) con chó lông màu nâu, trọng lượng 8,6 kg (tám phẩy sáu kilogam) đều của anh A K1 (SN: 1994; trú tại Làng Đ, xã Y, huyện S, tỉnh Kon Tum). Khi bắt được 04 con Chó thì T1 và T chở C về cất giấu tại vị trí đã cất giấu 02 con Chó trước đó. Cất giấu Chó xong cả hai tiếp tục đi vào hướng làng Đ và làng T của xã Y để bắt trộm Chó. Tại đây, cả hai phát hiện và bắt 01 (Một) con chó lông màu đen – nâu, trọng lượng 16,8 kg (mười sáu phẩy tám kilogam) của chị Y N3 (SN: 1997; trú tại Làng T, xã Y, huyện S, tỉnh Kon Tum), 01 (một) con chó lông màu đen – nâu, trọng lượng 14,8 kg (mười bốn phẩy tám kilogam) của anh A P1 (SN: 1994; trú tại Làng T, xã Y, huyện S, tỉnh Kon Tum) rồi quay lại khu vực sân bóng làng R để cho toàn bộ 08 con Chó vào hai bảo tải và chở toàn về thành phố K để bán. Lúc này anh A N2 (Sinh năm 1989; Nơi cư trú: Làng R, xã Y, huyện S, tỉnh Kon Tum) phát hiện và gọi thêm một số thanh niên trong làng cùng bắt giữ T1 và T6 sau đó đã đưa đến trụ Công an xã Y.

Tại Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện S kết luận: 08 (T7) con chó, có tổng trọng lượng 93,2 kg, có giá trị là 4.194.000 đồng *(Bốn triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng).*

Tại Cáo trạng số 01/CT-VKSST ngày 31/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Kon Tum đã truy tố đối với các bị cáo Trần Kim T và Trần Ngọc T1 cùng về tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định truy tố theo như toàn bộ nội dung Cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng năng, giảm nhẹ hình sự, nhân thân đối các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội "*Trộm cắp tài sản"*.

- Áp dụng Điều 17, Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51,

điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trần Kim T: Từ 09 *(Chín)* tháng đến 12 *(Mười hai)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng Điều 17, Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trần Ngọc T1: Từ 12 *(Mười hai)* tháng đến 15 *(Mười lăm)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- *Hình phạt bổ sung:* Không áp dụng đối với các bị cáo.

*** Về xử lý vật chứng:**

- 08 con chó có trọng lượng 93,2 kg của các bị hại và 01 xe mô tô biển kiểm soát 82B1-502.19, số khung RLCS3S3106Y028058, số máy 3S331028057, nhãn hiệu YAMAHA, xét thấy việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện S đã tiến hành trả lại toàn bộ tài sản trên nên đề nghị không xem xét.

- Áp dụng Điều 47 BLHS, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS, đề nghị tịch thu tiêu huỷ: 01 (Một) bộ dụng cụ kích điện tự chế bao gồm: 01 (Một) thanh kim loại tròn, dài 1,14m (Một phẩy mười bốn mét), được quấn kín xung quanh bằng băng keo đen; 01 (Một) phương tiện chứa điện, không rõ nhãn hiệu được bọc kín xung quanh bằng băng keo đen; 01 (Một) dây dẫn điện màu đỏ dài 2,05m (Hai phẩy không năm mét) được nối từ phương tiện chứa điện đến thanh kim loại; 02 (Hai) bao tải màu đỏ, có cùng kích thước 50cm x 110cm; 01 (Một) cuộn băng keo đen.

*** Về án phí:** Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Bị cáo Trần Kim T đã bồi thường cho anh A T2 số tiền 500.000 đồng nên đề nghị ghi nhận việc bồi thường trên. Các bị hại anh A T2, chị Y K, anh A G1, anh A K1, chị Y N1, anh A P1 cũng đã nhận được tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Kim T, Trần Ngọc T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trong nội dung của bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Kon Tum truy tố. Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo không bị mớm cung, ép cung hay bị nhục hình buộc phải nhận tội. Đề nghị của Viện Kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo là đúng, các bị cáo không có tranh luận gì, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo thấy việc làm của các bị cáo là trái pháp luật. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Điều tra Công an huyện S, tỉnh Kon Tum; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện

S, tỉnh Kon Tum: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; Bị hại, người làm chứng có đơn xin xét xử vắng mặt và đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo là khách quan phù hợp với Bản khám nghiệm hiện trường, Bản Kết luận giám định, lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác đã được điều tra, thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 02 giờ ngày 20/11/2023, tại các tuyến đường liên thôn tại làng C, thị trấn S, làng O, xã Y, làng Đ và làng T, xã Y, huyện S, tỉnh Kon Tum, Trần Kim T và Trần Ngọc T1 đã có hành vi lén lút dùng dụng cụ kích điện để trộm cắp 08 con Chó của anh A T2, chị Y K, anh A G, anh A K1, chị Y N1, anh A P1. Tại Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGT, ngày 21/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện S kết luận: 08 (T7) con chó, có tổng trọng lượng 93,2 kg, có giá trị là 4.194.000 đồng *(Bốn triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng)*. Như vậy, hành vi trên của các bị cáo Trần Kim T, Trần Ngọc T1 đã đủ yếu tố cấu thành về tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng số 01/CT-VKSST ngày 31/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Kon Tum đã truy tố các bị cáo Trần Kim T, Trần Ngọc T1 về tội *"Trộm cắp tài sản"* là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là hành vi bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vì muốn tư lợi, động cơ tham lam, kiếm tiền tiêu xài cá nhân mà không cần sử dụng sức lao động của mình nên các bị cáo cố ý thực hiện, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo phạm tội khi có nhân thân xấu nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội chứng tỏ các bị cáo không thực sự ăn năn, hối cải và thể hiện sự coi thường pháp luật nên cần có mức án nghiêm khắc để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo Trần Kim T và Trần Ngọc T1 cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong vụ án, giữa các bị cáo không có sự phân công cụ thể, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn (*Đều thực hiện với vai trò là người thực hành)*. Trong đó, bị cáo T1 là người khởi xướng, rủ rê, chuẩn bị dụng cụ, còn bị cáo T khi được T1 rủ rê thì đồng ý và chuẩn bị phương tiện *(xe mô tô)* để thực hiện hành vi trộm cắp. Tuy nhiên trong vụ án này thì vai trò, mức độ tham gia của từng bị cáo là khác nhau, cần phân hóa vai trò của từng bị cáo để có cơ sở đối với việc quyết định hình phạt phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, các bị cáo Trần Kim T và Trần Ngọc T1 đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Ngoài ra, bị cáo Trần Kim T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại A T2 số tiền 500.000đ *(Năm Trăm nghìn đồng)* và A T2 đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

- *Tình tiết tăng nặng:* Ngày 28/10/2021, Trần Kim T bị tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum tuyên phạt 06 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản*". Tháng 04/2022, T đã chấp hành xong hình phạt tù cũng như các quyết định khác của của Bản án số 21/2021/HSPT trên. Đến ngày 20/11/2023, T vẫn chưa được xóa án tích theo quy định tại điểm b khản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, lại thực hiện hành vi *"Trộm cắp tài sản"* và đến ngày 21/11/2023 đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện S khởi tố bị cáo về tội danh trên. Do đó, hành vi *"Trộm cắp tài sản của"* của Trần Kim T vào ngày 20/11/2023 được xem là *"tái phạm"* theo quy định tại khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trần Ngọc T1 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Qúa trình điều tra đã trả lại 08 con chó có trọng lượng 93,2 kg (01 con chó màu nâu-xám-đen, trọng lượng 9,6 kg; 01 con chó màu nâu-đen, trọng lượng 10,8 kg; 01 con chó màu đen-nâu, trọng lượng 14,8 kg; 01 con chó màu đen-nâu, trọng lượng 16,8 kg; 01 con chó màu nâu, trọng lượng 7,2 kg; 01 con chó màu đen-nâu, trọng lượng 12,2 kg; 01 con chó màu đen-nâu, trọng lượng 13,2 kg; 01 con chó màu nâu, trọng lượng 8,6 kg) cho các bị hại là đúng quy đinh pháp luật.

- Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 82B1-502.19, số khung RLCS3S3106Y028058, số máy 3S331028057, nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn xanh. Năm 2021, Anh Hồ Công P3 mua lại của chị Nguyễn Hồng P2 với giá 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*), mặc dù anh P3 và chị P2 chưa sang tên đổi chủ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, giữa hai bên đã thừa nhận mua bán nên chiếc xe mô tô nêu trên thuộc quyền sở hữu của anh P3. Qua xác minh, anh P3 cho anh T mượn xe mô tô làm phương tiện đi lại nhưng không biết việc anh T sử dụng để

thực hiện hành vi trộm cắp. Do vậy, Cơ quan CSĐT- Công an huyện S đã ra quyết định xử lý đồ vật, tài liệu và trả lại xe mô tô nêu trên và các giấy tờ có liên quan cho anh P3 là phù hợp.

- 01 (Một) bộ dụng cụ kích điện tự chế bao gồm: 01 (Một) thanh kim loại tròn, dài 1,14m (Một phẩy mười bốn mét), được quấn kín xung quanh bằng băng keo đen; 01 (Một) phương tiện chứa điện, không rõ nhãn hiệu được bọc kín xung quanh bằng băng keo đen; 01 (Một) dây dẫn điện màu đỏ dài 2,05m (Hai phẩy không năm mét) được nối từ phương tiện chứa điện đến thanh kim loại; 02 (Hai) bao tải màu đỏ, có cùng kích thước 50cm x 110cm; 01 (Một) cuộn băng keo đen. Đây là những tang vật trong vụ án, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ là có căn cứ.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05 tháng 2 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện S và Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Kon Tum)

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Trước khi mở phiên toà, bị cáo Trần Kim T đã tự nguyên bồi thường cho anh A T2 số tiền 500.000 đồng. Trong quá trình điều tra, các bị hại anh A T2, chị Y K, anh A G1, anh A K1, chị Y N1, anh A P1 cũng đã nhận được tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[10] Xét quan điểm đường lối giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện S đề nghị HĐXX áp dụng điều luật, mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp nên được HĐXX chấp nhận.

[11] Trong khi gom chó trộm cắp được để đưa về thành phố K tiêu thụ, Trần Kim T và Trần Ngọc T1 bị người dân phát hiện nên cả hai đã bỏ chạy. Quá trình bỏ chạy cả hai đã bị ngã dẫn đến thương tích. Tại kết luận giám tổn thương trên cơ thể người sống số 216/KLTTCT-TTPY ngày 01/01/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh K kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Kim T tại thời điểm giám định là 05%. Tại kết luận giám tổn thương trên cơ thể người sống số 217/KLTTCT-TTPY ngày 19/01/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh K kết luận: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Ngọc T1 tại thời điểm giám định là 02%. Quá trình điều tra, hai bị cáo cũng như những người chứng kiến (người tham gia bắt T và T1) xác định được vết thương của hai bị cáo là do tự ngã, không có ai gây thương tích cho các bị cáo. Các bị cáo thống nhất không có ý kiến gì về thương tích của mình.

- Xe mô tô BKS 82B1-502.19 là của anh Hồ Công P3. Bị cáo T đã mượn xe mô tô của P3 để làm phương tiện đi lại. Việc T tự ý sử dụng xe mô tô trên để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mà P3 không hề biết nên không có cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự của Hồ Công P3 về tội *"Trộm cắp tài sản"* với vai trò đồng phạm.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Kim T, Trần Ngọc T1 cùng phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng Điều 17, Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Kim T 8 *(T7)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng Điều 17, Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc T1 11 *(Mười một)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tuyên:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) bộ dụng cụ kích điện tự chế, bao gồm: 01 (Một) thanh kim loại tròn, dài 1,14m (Một phẩy mười bốn mét), được quấn kín xung quanh bằng băng keo đen; 01 (Một) phương tiện chứa điện, không rõ nhãn hiệu được bọc kín xung quanh bằng băng keo đen; 01 (Một) dây dẫn điện màu đỏ dài 2,05m (Hai phẩy không năm mét) được nối từ phương tiện chứa điện đến thanh kim loại; 02 (Hai) bao tải màu đỏ, có cùng kích thước 50cm x 110cm; 01 (Một) cuộn băng keo đen.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05 tháng 2 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện S và Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Kon Tum)

3. Về án phí:Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trần Kim T, Trần Ngọc T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ*(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các Điều 331; 332; 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/3/2024) các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này để xin xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Pháp luật.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

T/M HỘI ĐỒNG XÉT SỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

quan;
- VKSND huyện S, tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện S, tỉnh Kon Tum (khi bản án có hiệu lực);
- Công an huyện S;
- Nhà tạm giữ Công an huyện S;
- UBND xã/phường/thị trấn (nơi cư trú của bị cáo);
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng lưu trữ hồ sơ Công an tỉnh Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Lâm